QUỸ ETF ABFVN DIAMOND
ABFVN DIAMOND ETF

Số/No: 0911.03/2026/TB-ABF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2026
Hanoi, day 09 month 11 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam/Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange / Hanoi Stock Exchange / Hochiminh Stock Exchange

- Tên Công ty quản lý quỹ/ *Fund Management company:* Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán An Bình/ *An Binh Fund Management JSC*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam/ *Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam*
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF ABFVN DIAMOND/ *ABFVN DIAMOND ETF*
- Mã chứng khoán/ *Securities code* : FUEABVND
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address:* Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội/ *12th Floor, Geleximco Building, 36 Hoang Cau Street, O Cho Dua Ward, Hanoi*
- Điện thoại/ *Tel:* (024) 35626246 Fax: (024) 35626249

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:*

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 06/11/2026
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 lot of ETF/ Creation Unit = 100.000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	*Securities code*	*Volume*	*Weighting*
I. Chứng khoán/*Stock*		**941,485,000**	**98.94%**
1	ACB	3,500	7.56%
2	BMP	100	1.45%
3	CTD	300	2.15%
4	CTG	600	1.99%
5	FPT	2,500	13.90%
6	GMD	2,000	11.06%
7	HDB	2,700	6.37%
8	KDH	400	0.60%
9	MBB	3,500	7.17%
10	MSB	1,400	2.42%
11	MWG	2,000	15.76%
12	NLG	1,300	3.05%
13	OCB	500	0.58%
14	PNJ	2,000	3.18%
15	REE	900	4.36%
16	TCB	4,100	9.46%
17	TPB	900	1.21%
18	VPB	2,900	6.67%
II. Tiền/*Cash* (VND)		**10,103,115**	**1.06%**
III. Tổng/ *Total* (=I+II)		**951,588,115**	**100.00%**

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between the value of basket of component securities and the value per lot of ETF:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket value* : (VND) 941,485,000

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/*Value per lot of ETF* : (VND) 951,588,115

+ Giá trị chênh lệch (nếu có)/*Difference in value (if any)* : (VND) 10,103,115

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/*Plan to deal with the difference (if any)* :

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order:* Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/*In case, stock can be replaced by cash (if any, state reason):*

Mã chứng khoán *Securities code*	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) *Cash amount is replaced for 1 share (VND)*	Đối tượng áp dụng *Applied to*	Lý do *Reason*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any):*

- Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có)/ *The correction and cancellation of transaction errors (if any):*

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations (if any):*

Chỉ tiêu/*Criteria*	Kỳ này/*This period* (*) 6/11/2026	Kỳ trước/ *Last period* (**) 5/11/2026	Chênh lệch/*Changes*
1.Số lô đã phát hành thêm/ *Creation Units were issued*	-	-	0
2.Số lô đã mua lại/ *Creation Units were redeemed*	-	-	0
3.Tổng số lượng ETF niêm yết/đã phát hành/ *Listing/Issued ETF*	3,800,000	3,800,000	0
4.Giá đóng cửa (VNĐ/chứng chỉ quỹ)/ *Close price*	9,900	9,900	0
5.Giá trị tài sản ròng/ *Net asset value*			0
Của quỹ EFT/ Of the fund	*36,160,348,407*	*36,004,239,338*	*156,109,069*
Của một lô ETF/ per Creation Unit	*951,588,115*	*947,479,982*	*4,108,133*
Của 1 CCQ/per share	*9,515.88*	*9,474.79*	*41.09*
6.Chỉ số tham chiếu/ *Benchmark Index:* Chỉ số VN DIAMOND/ *VNDIAMOND Index*	2,106.98	2,125.32	-18.34

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 05/11/2026 */Item 5 is the net asset value calculated as of 05/11/2026*

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 04/11/2026 */Item 5 is the net asset value calculated as of 04/11/2026*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any mispresentation.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ

Fund management company representative

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Phường Ô Chợ Dừa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102130960
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.09 15:36:58 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.0

M.S.D.N:0102130960-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Nam